

Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Vũ Gia Quỳnh Ngân^{1,*}, Nguyễn Thị Bưởi²

¹Văn phòng trường, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

²Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

*vgqngan@ntt.edu.vn

Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên theo học khối ngành Kinh tế của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp, bao gồm phương pháp định tính và định lượng. Mô hình nghiên cứu được xây dựng dựa trên mô hình ý định khởi nghiệp, lý thuyết nhận thức xã hội nghề nghiệp, lý thuyết về hành vi dự định, mô hình sự kiện khởi nghiệp và các nghiên cứu thực nghiệm có liên quan. Qua phân tích cảm nhận của 242 sinh viên, kết quả cho thấy có sáu yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên theo thứ tự mức độ giảm dần, gồm có yếu tố đặc điểm tính cách cá nhân ($\beta = 0,312$), thái độ đối với hành vi khởi nghiệp ($\beta = 0,289$), giáo dục khởi nghiệp ($\beta = 0,282$), hệ sinh thái khởi nghiệp ($\beta = 0,244$), nguồn vốn kinh doanh ($\beta = 0,165$), và hỗ trợ khởi nghiệp ($\beta = 0,105$). Dựa trên kết quả nghiên cứu, đề tài đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

© 2024 Journal of Science and Technology - NTTU

Nhận 05/03/2024
Được duyệt 24/04/2024
Công bố 20/06/2024

Từ khóa

ý định, khởi nghiệp,
ý định khởi nghiệp,
kinh tế, sinh viên khối
ngành kinh tế

1 Đặt vấn đề

Hiện nay, các nước phát triển trên thế giới thường có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển tạo lập doanh nghiệp trong giới trẻ, nhằm thúc đẩy tinh thần kinh doanh và được coi là yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tại Việt Nam, Chính phủ cũng đã có chính sách và chương trình hỗ trợ cho hoạt động khởi nghiệp [1]. Tuy nhiên, khởi nghiệp là hoạt động còn khá mới mẻ đối với sinh viên các trường đại học tại Việt Nam nói chung và tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU) nói riêng.

Theo quan điểm của khoa học hiện đại thì khởi nghiệp phải gắn liền với việc hình thành một doanh nghiệp mới, có tư cách pháp nhân và dựa trên nền tảng khoa học công nghệ để mang lại sự đổi mới sáng tạo. Theo quan điểm phổ biến nhất của cộng đồng quốc tế thì khởi nghiệp là giai đoạn sớm nhất trong vòng đời của mỗi doanh nghiệp khi người sáng lập ra nó thực hiện hóa ý tưởng kinh doanh

của mình. Khởi nghiệp là hoạt động có mục đích để khởi đầu, duy trì và phát triển một hoạt động kinh doanh nhằm mang lại lợi ích về tài chính và các lợi ích khác trong một thế giới kinh doanh mà sẽ tạo ra một sự tự do cho người thực hiện hoạt động này [2].

Trong những năm gần đây, nhiều trường đại học đã đưa môn học khởi nghiệp vào chương trình đào tạo như là môn học bắt buộc, tổ chức nhiều cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp, và thành lập các câu lạc bộ khởi nghiệp ở khoa. Những hoạt động thiết thực này nhằm khơi gợi tinh thần và thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên. Tuy nhiên, để hoạt động thúc đẩy khởi nghiệp của nhà trường được triển khai một cách hiệu quả, cần phải xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện với mục đích xác định rõ hơn về các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế tại NTTU trên tinh thần kế thừa từ những nghiên cứu

trước, từ đó đề xuất giải pháp cho nhà trường nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên

2 Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

2.1 Tổng quan nghiên cứu

Theo [3] cho thấy 05 nhân tố gồm: (i) tiếp cận tài chính, (ii) cơ hội nghề nghiệp, (iii) nhận thức tính khả thi, (iv) lời khuyên từ gia đình và bạn bè và (v) môi trường giáo dục tinh thần khởi nghiệp tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên công nghệ thông tin.

Một nghiên cứu khác [4] lại xác định các biến (i) chuẩn chủ quan, (ii) cơ hội, (iii) thái độ, (iv) nhận thức kiểm soát hành vi có tác động tích cực và đáng kể đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Nghiên cứu [5] cho thấy nên tập trung vào việc xây dựng một hệ sinh thái khởi nghiệp với đầy đủ cơ sở hạ tầng thể chế, cấu trúc hỗ trợ, văn hóa hỗ trợ và nâng cao năng lực bản thân cũng như ý định trở thành doanh nhân của sinh viên. Năm 2021, nghiên cứu của Biswas và Verma cho thấy các yếu tố nhận thức, tính cách, chẳng hạn như: (i) năng lực bản thân, (ii) thái độ cá nhân, (iii) mong muốn đạt được và (iv) kiểm soát hành vi, có ảnh hưởng đáng kể đến ý định khởi nghiệp của sinh viên [6].

Dựa trên mô hình TBP, một nghiên cứu ở Việt Nam được thực hiện trong năm 2017 với mục đích xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát 361 sinh viên từ năm 1 đến năm 4 thuộc Khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Kinh tế – Luật. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 6 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên bao gồm: (i) nhận thức kiểm soát hành vi, (ii) động cơ chọn làm công cho một tổ chức, (iii) môi trường cho khởi nghiệp, (iv) động cơ tự làm chủ, (v) quy chuẩn chủ quan và (vi) sự hỗ trợ của môi trường học thuật. Trong đó, yếu tố nhận thức kiểm soát hành vi có tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên [7].

Ở nghiên cứu khác, các tác giả đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu này được thực hiện thông qua áp dụng mô hình tiềm năng khởi nghiệp, dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 280 sinh viên đang theo học tại trường. Thông qua quá trình phân tích nhân tố khám phá kết hợp hồi quy tuyến tính, nhóm nghiên cứu đã xác định được 07 yếu tố tác động: (i) Thái độ; (ii) Ý kiến mọi người xung quanh; (iii) Giáo dục; (iv) Kinh nghiệm thương mại; (v) Sự đam mê kinh doanh; (vi) Sự sẵn sàng kinh doanh và (vii) Nguồn vốn. Trong đó,

yếu tố Giáo dục có tác động mạnh nhất đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên [8].

Trường Đại học An Giang cũng có một nghiên cứu tương tự [9], đối tượng khảo sát là sinh viên bậc đại học hệ đào tạo chính quy năm thứ tư của Khoa Kinh tế – Quản trị kinh doanh, Nông nghiệp, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ - Môi trường, Khoa Công nghệ Thông tin, Khoa Du lịch và Văn hóa Nghệ thuật có ý định khởi nghiệp. Kết quả cho thấy cả 6 yếu tố trong mô hình lý thuyết đều có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học An Giang được sắp xếp theo trình tự mức độ quan trọng từ cao xuống thấp, bao gồm: (i) môi trường khởi nghiệp; (ii) giáo dục khởi nghiệp ở trường đại học; (iii) nhận thức kiểm soát hành vi; (iv) chuẩn chủ quan; (v) xu hướng chấp nhận rủi ro; (vi) sự tự tin. Đồng thời, cũng đã tìm thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học An Giang theo các đặc điểm: giới tính; khoa đang tham gia học; thành phần gia đình.

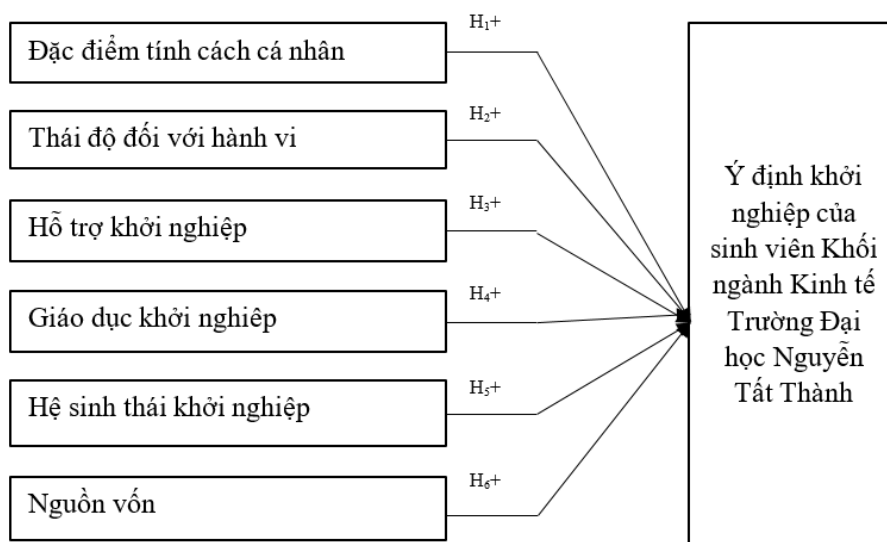
Trong nghiên cứu về “Động lực và sự phát triển của ý định khởi nghiệp: thực trạng và giải pháp thúc đẩy khởi nghiệp tại Việt Nam” cho thấy thực trạng khởi nghiệp tại Việt Nam nhìn chung vẫn chưa được quan tâm và hỗ trợ xứng đáng [10]. Chương trình hỗ trợ của Chính phủ còn yếu kém và giáo dục khởi nghiệp chưa được thực hiện trong nhà trường. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của cá nhân bao gồm: đặc điểm và một số các điểm hạn chế về thủ tục hành chính, cơ sở hạ tầng phục vụ môi trường kinh doanh, nhận thức, tính cách, vốn xã hội, và điều kiện kinh tế – xã hội.

Trong nghiên cứu tại Trường Đại học Quy Nhơn về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế (SVNKT), theo mô hình hồi quy cho thấy nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của SVNKT là (i) khả năng khởi nghiệp từ chương trình đại học; (ii) nhận thức xã hội; (iii) thái độ bản thân; (iv) nguồn vốn khởi nghiệp và cuối cùng là (v) điều kiện thuận lợi [11].

2.2 Mô hình nghiên cứu

Tiếp cận mô hình lý thuyết nhận thức xã hội nghề nghiệp (SCCT), thuyết hành động hợp lý (TRA) [12], lý thuyết về hành vi dự định của Ajzen (TPB) [12], lý thuyết về mô hình hành vi khởi nghiệp có kế hoạch (TPBEM), mô hình sự kiện khởi nghiệp (EEM), mô hình ý định khởi nghiệp (EIM) cùng với việc dựa trên lược khảo các nghiên cứu trong và ngoài nước trước, nghiên cứu đã tổng hợp kế thừa, chọn lọc và đề xuất mô hình nghiên cứu gồm 6 yếu tố.





Hình 1 Mô hình nghiên cứu

2.3 Giả thuyết nghiên cứu

2.3.1 Đặc điểm tính cách cá nhân

Các nghiên cứu thực nghiệm đã cho thấy, ý định khởi nghiệp của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi yếu tố đặc điểm cá nhân [13], quan niệm bản thân [14], và khả năng nhìn thấy cơ hội [15]. Chính vì vậy, đề tài xây dựng giả thuyết nghiên cứu như sau:

H₁: Đặc điểm tính cách cá nhân có mối quan hệ thuận chiều đối với ý định khởi nghiệp.

2.3.2 Thái độ đối với hành vi

Thái độ đối với hành vi đề cập đến đánh giá tổng thể của một người về việc thực hiện hành vi và mức độ hấp dẫn [16]. Trong ý định khởi nghiệp, thái độ đối với hành vi khởi nghiệp biểu thị sự hấp dẫn cá nhân và đánh giá mức độ hấp dẫn của hành vi khởi nghiệp, tích cực hay tiêu cực. Quá trình hoạt động khởi nghiệp là có chủ đích và bị ảnh hưởng bởi thái độ đối với hành vi khởi nghiệp [17]. Từ các nghiên cứu trên, tác giả đưa ra giả thuyết:

H₂: Thái độ đối với hành vi có mối quan hệ thuận chiều đối với ý định khởi nghiệp.

2.3.3 Hỗ trợ khởi nghiệp

Hỗ trợ khởi nghiệp bao gồm các ảnh hưởng bên trong là ý kiến từ gia đình, bạn bè và đồng nghiệp và các ảnh hưởng bên ngoài là các trào lưu xã hội. Hỗ trợ khởi nghiệp, đặc biệt là ý kiến của người thân đóng vai trò quan trọng, nhất là ở các nước văn hóa tập thể, theo quan điểm của [18]. Từ các nghiên cứu trên, tác giả đưa ra giả thuyết:

H₃: Hỗ trợ khởi nghiệp có mối quan hệ thuận chiều đối với ý định khởi nghiệp.

2.3.4 Giáo dục khởi nghiệp

Năm 2016, có một nghiên cứu kiểm chứng giáo dục kinh doanh có mối liên hệ tích cực đến ý định kinh doanh; giáo dục tinh thần kinh doanh là một phương tiện hiệu quả trong việc gây cảm hứng sinh viên có ý định khởi nghiệp kinh doanh. Giáo dục khởi nghiệp là những nội dung giáo dục liên quan đến chương trình, các bài giảng ngoại khóa, hoặc các khóa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ để theo đuổi sự nghiệp kinh doanh [19]. Yếu tố giáo dục khởi nghiệp ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp [20]. Từ các nghiên cứu trên, tác giả đưa ra giả thuyết:

H₄: Giáo dục khởi nghiệp có mối quan hệ thuận chiều đối với ý định khởi nghiệp.

2.3.5 Hệ sinh thái khởi nghiệp

Hệ sinh thái khởi nghiệp là tổng hợp các mối liên kết chính thức và phi chính thức giữa: các chủ thể khởi nghiệp, tổ chức khởi nghiệp và tiến trình khởi nghiệp tác động trực tiếp đến môi trường khởi nghiệp [21]. Về hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam đang dần hình thành với bốn trụ cột chính gồm: nguồn nhân lực, vốn, hạ tầng và thể chế hỗ trợ khởi nghiệp. Từ các nghiên cứu trên, tác giả đưa ra giả thuyết:

H₅: Hệ sinh thái khởi nghiệp có mối quan hệ thuận chiều đối với ý định khởi nghiệp.

2.3.6 Nguồn vốn

Yếu tố tiếp cận tài chính ảnh hưởng đáng kể đến ý định khởi nghiệp trong sinh viên và tiếp cận các nguồn tài chính ảnh hưởng đến xu hướng khởi nghiệp giữa các sinh viên đại học [22]. Từ các nghiên cứu trên, tác giả đưa ra giả thuyết:

H₆: Nguồn vốn có mối quan hệ thuận chiều đối với ý định khởi nghiệp.

3 Phương pháp nghiên cứu

Dựa vào mô hình và công trình nghiên cứu trước đó, nhóm nghiên cứu có tham khảo Lý thuyết hành vi dự định (TPB); Mô hình sự kiện khởi nghiệp (EEM); Mô hình ý định khởi nghiệp (EIM) và các mô hình hiệu chỉnh của các công trình nghiên cứu liên quan trong và ngoài nước trước đây. Nhóm tác giả đưa ra mô hình nghiên cứu đề xuất như sau:

$$YDKN = \beta_0 + \beta_1 DDTC + \beta_2 TD + \beta_3 HTKN + \beta_4 GD + \beta_5 HST + \beta_6 NV$$

Từ cơ sở các lý thuyết và các nghiên cứu liên quan, nhóm tác giả nghiên cứu tiến hành xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính với biến phụ thuộc là ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, có 06 biến độc lập là: (i) đặc điểm tính cách cá nhân (DDTC); (ii) thái độ đối với hành vi khởi nghiệp (TD); (iii) hỗ trợ khởi nghiệp (HTKN); (iv) giáo dục khởi nghiệp (GD); (v) hệ sinh thái khởi nghiệp (HST); (vi) nguồn vốn (NV).

Theo Hair (2006), nghiên cứu gồm 5 biến độc lập và 31 biến quan sát, kích thước mẫu tối thiểu cần thiết của nghiên cứu $n > 31 \times 5 = 155$. Thực hiện khảo sát 260 (sinh viên thuộc khối ngành kinh tế đang học tại NTTU và thu được 242 mẫu khảo sát hợp lệ, nhóm tác giả tiến hành kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích yếu tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy các yếu tố có thể ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế.

4 Kết quả và thảo luận

4.1 Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Kết quả thu được 260 phiếu trả lời, trong đó có 28 phiếu không hợp lệ, còn lại 242 phiếu (đạt tỉ lệ 92,7%). Số phiếu trả lời hợp lệ và được đưa vào phân tích dữ liệu và được cơ cấu theo các đặc điểm của mẫu theo Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Đặc điểm	Phân loại	Tần suất	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	86	35,5
	Nữ	156	64,5
Năm học	Năm 1	109	45,0
	Năm 2	79	32,6
	Năm 3	39	16,1
	Năm 4	20	8,3
Chuyên ngành	Kế toán	7	2,9
	Kinh doanh quốc tế	4	1,7
	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng	21	8,7
	Luật kinh tế	9	3,7
	Marketing	60	24,8
	Quản trị kinh doanh	124	51,2
	Quản trị nhân lực	10	4,1
Thương mại điện tử	7	2,9	

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy, đối với đặc điểm giới tính, sinh viên đồng ý tham gia khảo sát phần lớn là sinh viên nữ, chiếm tỷ lệ 64,5%. Tỷ lệ sinh viên nữ cao gần gấp đôi so với tỷ lệ sinh viên nam tham gia khảo sát. Đối với đặc điểm năm học, đối tượng khảo sát của mẫu nghiên cứu chủ yếu là sinh viên đang học năm nhất (45,0%), kế đến là sinh viên đang học năm 2 (32,6%). Sinh viên học năm 4 tham gia khảo sát chiếm tỷ lệ thấp nhất (16,1%). Sau cùng, đối với đặc điểm chuyên ngành, sinh viên theo học chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Marketing chiếm tỷ lệ cao nhất trong mẫu nghiên cứu, với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 51,2% và 24,8%. Trong khi đó, sinh viên học chuyên ngành Kinh doanh quốc tế và Luật kinh tế có tỷ lệ tham gia thấp nhất, với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 1,7% và 3,7%.

4.2 Kiểm định độ tin cậy thang đo

Nghiên cứu sử dụng hệ số Cronbach's Alpha và tương quan biến tổng để kiểm định độ tin cậy thang đo. Kết quả kiểm định được trình bày qua Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2. Độ tin cậy thang đo

Thang đo	Số mục hỏi	Hệ số Cronbach's Alpha tổng	Tương quan biến tổng nhỏ nhất	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
DDTC	6	0,896	0,515	0,864-0,904
TD	5	0,864	0,601	0,828-0,856
HTKN	4	0,780	0,535	0,682-0,754
GD	5	0,797	0,536	0,736-0,773

HST	4	0,796	0,583	0,735-0,757
NV	3	0,882	0,727	0,806-0,871
YDKN	4	0,871	0,683	0,804-0,852

Bảng 2 cho thấy, hệ số Cronbach’s Alpha tổng nhỏ nhất có giá trị là 0,780 > 0,6. Giá trị tương quan biến tổng nhỏ nhất là 0,515 > 0,3. Kết quả thống kê cho thấy, các thang đo đều đạt chuẩn và không có biến quan sát nào bị loại ra khỏi thang đo.

4.3 Phân tích nhân tố khám phá

Phân tích nhân tố khám phá được thực hiện cho yếu tố độc lập và yếu tố phụ thuộc. Kết quả phân tích EFA lần đầu tiên đều thỏa mãn các tiêu chí $0,5 < KMO < 1$, tổng phương sai trích > 50 %, hệ số tải nhân tố > 0,55, và

chênh lệch hai hệ số tải nhân tố trên cùng một biến quan sát đều > 2. Kết quả này cho thấy, các thang đo đáp ứng tính hội tụ và phân kỳ.

4.4 Kết quả hồi quy

Bảng 3 dưới đây trình bày kết quả hồi quy các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp. Kết quả kiểm định đa cộng tuyến cho thấy, chỉ số VIF lớn nhất là 1,351 (nhỏ hơn 2). Hệ số R2 điều chỉnh bằng 66,6 %. Giá trị dung sai đều > 0,5. Kết quả này thể hiện mô hình là phù hợp và không bị đa cộng tuyến nghiêm trọng.

Bảng 3 Kết quả hồi quy

Nhân tố	YDKN: Ý định khởi nghiệp				
	β	Beta	Mức ý nghĩa	VIF	Dung sai
Hằng số	0,642	----	0,000	----	
DDTC: Đặc điểm tính cách cá nhân	0,189	0,312	0,000	1,073	0,932
TD: Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp	0,145	0,289	0,000	1,287	0,777
HTKN: Hỗ trợ khởi nghiệp	0,070	0,105	0,009	1,160	0,862
GD: Giáo dục khởi nghiệp	0,193	0,283	0,000	1,261	0,793
HST: Hệ sinh thái khởi nghiệp	0,156	0,244	0,000	1,351	0,740
NV: Nguồn vốn	0,075	0,165	0,000	1,042	0,960
Số quan sát	242				
R ² điều chỉnh	0,666				

Cũng ở Bảng 3 cho thấy, cả 6 biến độc lập tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1 % đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế trong mô hình. Đó là: (i) Đặc điểm tính cách cá nhân; (ii) Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp; (iii) Hỗ trợ khởi nghiệp; (iv) Giáo dục khởi nghiệp; (v) Hệ sinh thái khởi nghiệp; và (vi) Nguồn vốn. Từ kết quả Bảng 3, các giả thuyết đo lường H₁, H₂, H₃, H₄, H₅, H₆ được đề xuất trong mô hình lý thuyết ban đầu được chấp nhận. Đồng thời, mô hình hồi quy (dạng chuẩn hóa) về ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế NTTU được xác định như sau:

$$YDKN = 0,312DDTC + 0,289TD + 0,105HTKN + 0,283GD + 0,244HST + 0,165NV$$

Mức độ ảnh hưởng (quan trọng) của các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế tại NTTU được xác định như sau: đặc điểm tính cách cá nhân là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Cụ thể là, khi yếu tố

Đặc điểm tính cách cá nhân tăng, giảm 01 đơn vị thì ý định khởi nghiệp của sinh viên tăng, giảm 0,312 đơn vị; Thái độ đối với hành vi là yếu tố có ảnh hưởng mạnh thứ hai đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Cụ thể, khi yếu tố Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp tăng, giảm 01 đơn vị thì ý định khởi nghiệp của sinh viên tăng, giảm 0,289 đơn vị; Giáo dục khởi nghiệp là yếu tố ảnh hưởng mạnh thứ ba đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Cụ thể, khi yếu tố Giáo dục khởi nghiệp tăng, giảm 01 đơn vị thì ý định khởi nghiệp của sinh viên tăng, giảm 0,283 đơn vị; Hệ sinh thái khởi nghiệp là yếu tố có ảnh hưởng mạnh thứ tư đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Cụ thể, khi yếu tố Hệ sinh thái khởi nghiệp tăng, giảm 01 đơn vị thì ý định khởi nghiệp của sinh viên tăng, giảm 0,244 đơn vị; Nguồn vốn là yếu tố ảnh hưởng yếu đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Cụ thể, khi yếu tố Nguồn vốn tăng, giảm 01 đơn vị thì ý định khởi nghiệp của sinh viên tăng, giảm 0,165 đơn vị; Hỗ trợ khởi nghiệp là yếu tố ảnh hưởng yếu nhất



đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Cụ thể là, khi yếu tố Hỗ trợ khởi nghiệp tăng, giảm 01 đơn vị thì ý định khởi nghiệp của sinh viên tăng, giảm 0,105 đơn vị. Theo mô hình hồi quy chuẩn hóa, các biến tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp theo thứ tự giảm dần lần lượt là: Đặc điểm tính cách cá nhân (DDTC); Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp (TD); Giáo dục khởi nghiệp (GD); Hệ sinh thái khởi nghiệp (HST); Nguồn vốn (NV); và Hỗ trợ khởi nghiệp (HTKN).

5 Kết luận

Từ các kết quả nghiên cứu nêu trên, đề tài kiến nghị một số giải pháp để nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế NTTU. Đó là cần ưu tiên tập trung tác động vào ba yếu tố: Đặc điểm tính cách cá nhân (DDTC); Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp (TD); và Giáo dục khởi nghiệp (GD).

Đối với đặc tính cá nhân, để khởi sự kinh doanh đạt hiệu quả, sinh viên cần có niềm tin mạnh mẽ vào kỹ năng và khả năng khởi nghiệp của mình, đồng thời không ngại khó khăn, và dám chấp nhận rủi ro. Tuy nhiên, đây là những yếu tố được lựa chọn thấp nhất. Cụ thể, cảm nhận Tôi tự tin có đủ kỹ năng và khả năng để khởi nghiệp có điểm trung bình thấp nhất, chiếm 2,52; và cảm nhận Tôi sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong kinh doanh có điểm trung bình thấp thứ hai, chiếm 3,41. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, đặc tính cá nhân tác động cùng chiều và mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp. Chính vì vậy, nhà trường cần bồi dưỡng sự tự tin khởi nghiệp, tinh thần doanh chủ dám làm, dám chấp nhận rủi ro cho sinh viên.

Xem xét thái độ đối với hành vi khởi nghiệp, kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên đồng tình rất thấp với các nhận định: Trở thành một doanh nhân có lợi hơn bất lợi (3,26); Tôi thích khởi nghiệp với so với đi làm (3,26); và Trở thành chủ doanh nghiệp rất hấp dẫn tôi (3,29). Đây là thái độ không thích hợp với ý định khởi nghiệp. Kết quả cũng chỉ ra rằng thái độ khởi nghiệp tác động cùng chiều và có mức độ lớn thứ hai đối với ý định khởi nghiệp. Chính vì vậy, việc điều chỉnh thái độ khởi nghiệp đúng đắn sẽ là nhiệm vụ cấp thiết đối với nhà trường.

Và sau cùng, đối với giáo dục khởi nghiệp, sinh viên không đồng tình cao đối với môi trường học tập khởi nghiệp. Cụ thể đó là các đánh giá thấp trong việc truyền cảm hứng để hình thành ý định khởi sự kinh doanh (3,39); cung cấp kiến thức về kinh doanh (3,44); và tổ chức các hoạt động khuyến khích sinh viên mạnh dạn khởi nghiệp (3,44). Dựa trên kết quả nghiên cứu, giáo dục khởi nghiệp là nhân tố quan trọng thứ ba, có mối tương quan cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Chính vì vậy, nhà trường nên triển khai các hoạt động giáo dục khởi nghiệp có chiều sâu, không những truyền tải kiến thức mà còn xây dựng được môi trường nhân rộng cảm hứng, ý tưởng khởi nghiệp, và khuyến khích sinh viên mạnh dạn khởi nghiệp.

Kiến nghị một số giải pháp để nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế NTTU:

Về phía nhà trường, Ban Giám hiệu: Thông qua các kênh Đoàn, Hội tuyên truyền, vận động, nêu lên các tấm gương về khởi nghiệp để khơi dậy niềm đam mê và khao khát khởi nghiệp của sinh viên. Tổ chức các buổi tọa đàm, tập huấn và hội thảo về khởi nghiệp, đổi mới tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện những phẩm chất cần thiết của người quản lý như lòng dũng cảm, sự tự tin, nghị lực, sự sáng tạo và các kỹ năng tổ chức, quản lý, điều hành, điều này thúc đẩy các kỹ năng lãnh đạo là động lực thúc đẩy tinh thần kinh doanh. Tổ chức các cuộc gặp gỡ trao đổi với doanh nghiệp, các buổi chia sẻ của những người thành công, chủ doanh nghiệp nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Về phía phòng quản lý đào tạo và các khoa đào tạo: Các hoạt động ngoại khóa liên quan đến khởi nghiệp, kinh doanh phải được đưa vào chương trình đào tạo, điều này cung cấp nền tảng cho sinh viên phát triển kỹ năng và củng cố ý định khởi nghiệp. Bên cạnh đó, cần có chính sách cho người hướng dẫn khởi nghiệp (cố vấn học tập, giảng viên chuyên môn) khi tổ chức các cuộc thi về khởi nghiệp như tính vào giờ giảng dạy của giảng viên. Tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp với các giải thưởng hấp dẫn tạo sân chơi, điều kiện để sinh viên trải nghiệm, thử thách bản thân. Cộng điểm vào điểm đồ án tốt nghiệp, khen thưởng, vinh danh sinh viên có thành tích tốt trong các cuộc thi về lĩnh vực khởi nghiệp.



Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thị Quỳnh Nga. (2023). Thực trạng và các giải pháp hỗ trợ khởi nghiệp tại Việt Nam. *Tạp chí Công Thương*, 1. Truy cập tại: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-va-cac-giai-phap-ho-tro-khoi-nghiep-tai-viet-nam-103441.htm>, ngày 07/01/2024.
2. Cole, A.H. (1968). The entrepreneur introductory remarks. *The American Economic Review*, 58(2), 60-63.
3. Haris, N.A., Abdullah, M., Othman, A.T., & Rahman, F.A. (2016). Exploring the Entrepreneurial Intention Among Information Technology Students. *Information Technology Journal*, 22, 116-122.
4. Raza, S.A., Qazi, W. & Shah, N. (2018). Factors affecting the motivation and intention to become an entrepreneur among business university students. *International Journal of Knowledge and Learning*, 12(3), 221-241.
5. Elnadi M. & Gheith M.H. (2021). Entrepreneurial ecosystem, entrepreneurial self-efficacy, and entrepreneurial intention in higher education: Evidence from Saudi Arabia. *The International Journal of Management Education*, 9(1), 1-16.
6. Biswas, A. & Verma, R.K. (2021). Attitude and alertness in personality traits: a pathway to building entrepreneurial intentions among university students. *The Journal of Entrepreneurship*, 30(2), 367-396.
7. Nguyễn Hải Quang & Cao Nguyễn Trung Cường (2017). Các yếu tố ảnh hưởng đến khởi sự doanh nghiệp của sinh viên khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Kinh tế Luật. *Tạp chí Khoa học Trường ĐHTT Vinh*, 25(3), 10-19.
8. Trần Thị Ngọc Lan & cộng sự (2018). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP HCM. *Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*, 527, 38.
9. Châu Thị Ngọc Thùy & Huỳnh Lê Thiên Trúc (2020). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học An Giang. *Tạp chí Công Thương*, 17. Truy cập tại: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/cac-yeu-to-anh-huong-den-y-dinh-khoi-nghiep-cua-sinh-vien-truong-dai-hoc-an-giang-70579.htm>, ngày 07/01/2024.
10. Phan Thị Thu Giang & Nguyễn Thùy Dương (2021). Động lực và sự phát triển của ý định khởi nghiệp: thực trạng và giải pháp thúc đẩy khởi nghiệp tại Việt Nam. *Tạp chí Công Thương*, 7. Truy cập tại: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/dong-luc-va-su-phat-trien-cua-y-dinh-khoi-nghiep-thuc-trang-va-giai-phap-thuc-day-khoi-nghiep-tai-viet-nam-80601.htm>, ngày 07/01/2024.
11. Trần Thị Thanh Nhân (2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế tại Trường Đại học Quy Nhơn. *Tạp chí Công Thương*, 4. Truy cập tại: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/cac-yeu-to-anh-huong-den-y-dinh-khoi-nghiep-cua-sinh-vien-khoi-nganh-kinh-te-tai-truong-dai-hoc-quy-nhon-88376.htm>, ngày 07/01/2024
12. Ajzen, I. (1991). *The theory of planned behavior. Organizational behavior and human decision processes*, 50(2), 179-211.
13. Belas, J., Gavurova, B., Schonfeld, J., Zvarikova, K. & Kacerauskas, T. (2017). Social and economic factors affecting the entrepreneurial intention of university students. *Transformations in Business & Economics*, 16(3), 220-239.
14. Herdjiono, I., Puspis, Y.H. & Maulany, G. (2017). The factors affecting entrepreneurship intention. *International Journal of Entrepreneurial Knowledge*, 5(2), 5-15.
15. Akolgo, I.G., Li, C., Dodor, A., Udimal, T.B. & Adomako, K.W. (2018). An empirical study on the influencing entrepreneurial intention factors of international students based on the theory of planned behavior. *International Journal of Small Business and Entrepreneurship Research*, 6, 15-31.
16. Botsaris, C. & Vamvaka, V. (2016). Attitude toward entrepreneurship: structure, prediction from behavioral beliefs, and relation to entrepreneurial intention. *J. Knowledge Econ.* 7 433–460. 10.1007/s13132-014-0227-2.
17. Mahmood, T.M.A.T., Al Mamun, A., Ahmad, G.B. & Ibrahim, M.D. (2019). Predicting entrepreneurial intentions and pre-start-up behaviour among Asnaf millennials. *Sustainability*, 11(18), 4939-4965.

18. Liñán, F. & Chen, Y.W. (2006). *Testing the entrepreneurial intention model on a two-country sample* (Working Papers 0607). Departament d'Economia de l'Empresa, Universitat Autònoma de Barcelona Document de Treball núm.
19. Ambad, S.N.A. & Damit, D.H.D.A. (2016). Determinants of entrepreneurial intention among undergraduate students in Malaysia. *Procedia Economics and Finance*, 37, 108-114.
20. Nguyễn Thị Bích Liên (2020). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Công Thương*, Số 17, tháng 7 năm 2020. Truy cập tại: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/cac-yeu-to-anh-huong-den-y-dinh-khoi-nghiep-cua-sinh-vien-nghien-cuu-truong-hop-sinh-vien-tren-dia-ban-thanh-pho-ho-chi-minh-75515.htm>
21. Mason, C. & Brown R. (2014): *Entrepreneurial ecosystems and growth oriented entrepreneurship*. OECD, Paris.
22. Bich, V.T., Cuong, V.D. & Tam, P.T. (2021). Determinants affecting students' intention to start-up business: A case study of universities in Dong Nai Province. *Multicultural Education*, 7(8), 642-652.

Determining factors of the entrepreneurial intention of students form Economics major at Nguyen Tat Thanh University

Vu Gia Quynh Ngan^{1,*}, Nguyen Thi Bui²

¹University Council, Nguyen Tat Thanh University

²Faculty of Business Administration, Nguyen Tat Thanh University

*vgqngan @ntt.edu.vn

Abstract This study aimed to identify the factors that influence the entrepreneurial intention of students from Economics major at Nguyen Tat Thanh University. The research model was based on the entrepreneurial intention model, social cognitive career theory, theory of planned behavior, entrepreneurial event model, and related experimental studies. The study employed a mixture of qualitative and quantitative methods. From the responses of 242 students, six factors was found to influence the students' entrepreneurial intention, including individual personality traits, attitude towards entrepreneurial behavior, entrepreneurial education, entrepreneurial ecosystem, business capital, and entrepreneurial support). Based on the research findings, the study proposes solutions to promote the entrepreneurial intention among students majoring in Economics at Nguyen Tat Thanh University.

Keywords Entrepreneurship, entrepreneurial intention, economy, economics students

